

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **94** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **23** tháng **3** năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 05/CV-QB ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH May Quảng Bình và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 300/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH May Quảng Bình, địa chỉ tại thôn Xuân Bò, xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy may Xuân Thủy với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy may Xuân Thủy.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Hoàng Giang, xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101134485; Đăng ký lần đầu ngày 25/12/2024; Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 21/01/2026; Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị.

1.4. Mã số thuế: 3101134485.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hàng may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích Dự án: 41.500 m².

- Công suất: 1.500.000 sản phẩm/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (vải, phụ liệu) → Thiết kế, giác sơ đồ mẫu → Cắt vải → Dây chuyền may → Kiểm tra sản phẩm → Là hơi → Gấp, đóng gói → Kiểm tra kim loại sản phẩm → Đóng vào thùng catton → Kiểm tra xuất xưởng → Kho chứa thành phẩm → Giao hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May Quảng Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May Quảng Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND xã Lệ Thủy;
- Công ty TNHH May Quảng Bình;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số **94** /GPMT-UBND
 ngày **23** tháng **03** năm **2026** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án (nước thải xám, nước thải đen, nước thải nhà bếp)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước thải chung trên tuyến đường quy hoạch rộng 15,5m tiếp giáp phía Bắc dự án thuộc thôn Hoàng Giang, xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí điểm xả nước thải: Thôn Hoàng Giang, xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 1.901.721; Y(m): 584.079 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106⁰ múi chiều 3⁰).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có đồng hồ đo lưu lượng, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	1 năm/lần	
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 35		
3	COD	mg/l	≤ 90		

4	TSS	mg/l	≤ 60	1 năm/lần	Không áp dụng
5	Amoni (N-NH_4^+) tính theo N	mg/l	$\leq 8,0$		
6	Tổng Nito (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	$\leq 6,0$		
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml hoặc CFU/100ml	≤ 5.000		
9	Sunfua (S^{2-})	mg/l	$\leq 0,5$		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 5,0$		
12	Clo dư	mg/l	$\leq 2,0$		
13	Chloroform	mg/l	$\leq 0,8$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Đối với nước thải xám được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- Đối với nước thải đen được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- Nước thải nhà bếp được dẫn qua song chắn rác để tách các chất thải rắn có kích thước lớn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể MBR → Bể khử trùng → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B) trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm dự kiến từ tháng 06/2027 đến tháng 09/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải nêu tại mục 1.2 phần B phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Việc quan trắc nước thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Lê Thủy và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Chủ Dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **94** /GPMT-UBND
ngày **23** tháng **3** năm **2026** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Tại khu vực xưởng may mẫu.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ **Tiếng ồn:**

TT	Khoảng thời gian và giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

+ **Độ rung:**

TT	Khoảng thời gian và giá trị tối đa cho phép đối với mức rung (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết; đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

- Trồng cây xanh theo quy hoạch để hạn chế tác động của tiếng ồn, độ rung.
- Có quy chế quản lý các hoạt động phát sinh tiếng ồn lớn, không chế độ ồn, thời gian hoạt động.
- Các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án phải hạn chế phát sinh tiếng ồn để tránh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số **94** /GPMT-UBND
 ngày **23** tháng **3** năm **2026** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang loại thải	16 01 06	10
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
	Tổng cộng		25

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	10
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại nguy hại	18 02 01	20
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	30
	Tổng cộng		60

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Vải vụn	69,3
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	2,75
3	Bùn thải từ hệ thống XLNT	1,8
	Tổng cộng	73,85

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên khoảng 500 kg/ngày đêm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 10m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH. Khu lưu giữ CTNH được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có thiết bị để phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố chất thải; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa: Diện tích 20m² (1 ngăn trong khu nhà kỹ thuật) ở phía Nam dự án. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sản xuất có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Đối với vải vụn: Chủ dự án sẽ thu gom vào các thùng chứa, lưu trữ và chuyển giao cho các đơn vị thu mua vải vụn.

- Đối với nhóm giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ: Chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Đối với CTRCNTT khác: Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho lưu chứa: Diện tích 15m² (1 ngăn trong khu nhà kỹ thuật) ở phía Nam dự án.
- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, có dán nhãn tại các khu vực chức năng của dự án để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định.
- Thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải theo đúng quy định.
- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ lon, chai, các loại giấy... sẽ được thu gom riêng để bán cho các đơn vị thu mua làm vật liệu tái chế;
- Các loại chất thải rắn sinh hoạt khác hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định liên quan.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **94** /GPMT-UBND
ngày **23** tháng **3** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
4. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng quy định.
5. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của Dự án; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của Dự án.
6. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành.
7. Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
8. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường.
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;
10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.